

CHÍNH PHỦ
Số: 17/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Ký kết và Thực hiện điều ước quốc tế ngày 20 tháng 8 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA).

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 87/CP ngày 05 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Điều 3. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, mọi vấn đề liên quan đến việc thu hút, quản lý, sử dụng và thực hiện chương trình, dự án ODA trước ngày Nghị định này có hiệu lực phải được điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của Nghị định này.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thủ trưởng các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là ODA) trong Quy chế này được hiểu là hoạt động hợp tác phát triển giữa Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Nhà tài trợ, bao gồm:

- Chính phủ nước ngoài;
- Các tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia.

2. Hình thức cung cấp ODA bao gồm:

- ODA không hoàn lại;
- ODA vay ưu đãi có yếu tố không hoàn lại (còn gọi là "thành tố hỗ trợ") đạt ít nhất 25%.

3. Phương thức cung cấp ODA bao gồm:

- Hỗ trợ cán cân thanh toán;
- Hỗ trợ chương trình;
- Hỗ trợ dự án.

Điều 2. Các nguyên tắc cơ bản

1. ODA là nguồn vốn quan trọng của ngân sách Nhà nước, được sử dụng để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ưu tiên.

2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ODA trên cơ sở phân cấp, tăng cường trách nhiệm và bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các cơ quan quản lý ngành và địa phương.

3. Quá trình thu hút, quản lý và sử dụng ODA phải tuân thủ những yêu cầu dưới đây:

- a) Chính phủ nắm vai trò quản lý và chỉ đạo, phát huy cao độ tính chủ động và trách nhiệm của cơ quan chủ quản và cơ quan, đơn vị thực hiện;
- b) Bảo đảm tính tổng hợp, thống nhất và đồng bộ trong công tác quản lý ODA;
- c) Bảo đảm sự tham gia rộng rãi của các bên có liên quan, trong đó có các đối tượng thụ hưởng;
- d) Bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch về quyền hạn và trách nhiệm của các bên có liên quan;
- đ) Bảo đảm hài hoà thủ tục giữa Việt Nam và Nhà tài trợ.

4. Quá trình thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA phải tuân theo các quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, Quy chế Quản lý vay và trả nợ nước ngoài và các chế độ quản lý hiện hành khác của Nhà nước. Trường hợp điều ước quốc tế về ODA đã được ký kết giữa Nhà nước hoặc Chính phủ với Nhà tài trợ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA

1. Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng cho những chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực:

- a) Xoá đói giảm nghèo, trước hết tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- b) Y tế, dân số và phát triển;
- c) Giáo dục, phát triển nguồn nhân lực;
- d) Các vấn đề xã hội (tạo việc làm, cấp nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội);
- đ) Bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai;
- e) Nghiên cứu chuẩn bị các chương trình, dự án phát triển (quy hoạch, điều tra cơ bản);
- g) Cải cách hành chính, tư pháp, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương, địa phương và phát triển thể chế;
- h) Một số lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Vốn ODA vay được ưu tiên sử dụng cho những chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực:

- a) Xoá đói giảm nghèo, nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- b) Giao thông vận tải, thông tin liên lạc;

c) Năng lượng;

d) Cơ sở hạ tầng xã hội (các công trình phúc lợi công cộng, y tế, giáo dục và đào tạo, cấp thoát nước, bảo vệ môi trường);

đ) Hỗ trợ một số lĩnh vực sản xuất nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội;

e) Hỗ trợ cán cân thanh toán;

g) Một số lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, danh mục và thứ tự các lĩnh vực được ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA sẽ được Chính phủ điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Điều 4. Quy trình thu hút, quản lý và sử dụng ODA

Quy trình thu hút, quản lý, sử dụng ODA được tiến hành theo các bước chủ yếu sau:

1. Xây dựng danh mục các chương trình, dự án ưu tiên vận động và sử dụng ODA.
2. Vận động ODA.
3. Đàm phán, ký kết điều ước quốc tế khung về ODA.
4. Thông báo điều ước quốc tế khung về ODA.
5. Chuẩn bị văn kiện chương trình, dự án ODA.
6. Thẩm định, phê duyệt nội dung chương trình, dự án ODA.
7. Đàm phán, ký kết, phê chuẩn hoặc phê duyệt điều ước quốc tế cụ thể về ODA.
8. Thực hiện chương trình, dự án ODA.
9. Theo dõi, đánh giá, nghiệm thu, quyết toán và bàn giao kết quả chương trình, dự án ODA.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, một số từ ngữ sử dụng được hiểu như sau:

1. "**Dự án**" là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư và dự án hỗ trợ kỹ thuật.
2. "**Dự án đầu tư**" là dự án tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định.
3. "**Dự án hỗ trợ kỹ thuật**" là dự án tập trung chủ yếu vào việc cung cấp các yếu tố kỹ thuật phần mềm, bao gồm các dự án phát triển năng lực thể chế, phát triển nguồn nhân lực, chuyển

giao công nghệ hoặc chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm, cung cấp các yếu tố đầu vào về kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án đầu tư.

4. "**Chương trình**" là một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau, được thực hiện thông qua phương pháp tiếp cận liên ngành, có thời hạn thực hiện tương đối dài hoặc theo nhiều giai đoạn, và nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, theo nhiều phương thức khác nhau.

5. "**Chương trình, dự án ODA**" là chương trình, dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

6. "**Điều ước quốc tế về ODA**" là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện của Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam với đại diện của Nhà tài trợ về các vấn đề liên quan đến ODA, bao gồm các Hiệp định, Nghị định thư, văn kiện chương trình, dự án và các văn bản trao đổi giữa các bên có giá trị tương đương.

7. "**Điều ước quốc tế khung về ODA**" là điều ước quốc tế về ODA có tính nguyên tắc, có nội dung liên quan tới: chiến lược, chính sách, khung khổ hợp tác, phương hướng ưu tiên trong cung cấp và sử dụng ODA; danh mục các lĩnh vực, các chương trình hoặc dự án ODA; điều kiện khung và cam kết ODA cho một năm hoặc nhiều năm đối với các chương trình, dự án; những nguyên tắc về thể thức và kế hoạch quản lý, thực hiện các chương trình, dự án.

8. "**Điều ước quốc tế cụ thể về ODA**" là điều ước quốc tế về ODA thể hiện cam kết về nội dung chương trình, dự án cụ thể được tài trợ (mục tiêu, hoạt động, kết quả phải đạt được, kế hoạch thực hiện, điều kiện tài trợ, vốn, cơ cấu vốn, nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên, các nguyên tắc, chuẩn mực cần tuân thủ trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án và điều kiện giải ngân, điều kiện trả nợ đối với khoản vay cho chương trình, dự án).

9. "**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**" là Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

10. "**Cơ quan chủ quản**" là các cơ quan cấp Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chương trình, dự án ODA.

11. "**Chủ dự án**" là tổ chức được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và nguồn vốn đối ứng để thực hiện chương trình, dự án theo nội dung đã được phê duyệt.